

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 10, 11/12/2021

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT3292	Hín Văn	An	19/04/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,0	Đạt	
2	CNTT3293	Hoàng Văn	An	19/05/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
3	CNTT3294	Nguyễn Văn	An	19/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,0	Đạt	
4	CNTT3295	Chu Tuấn	Anh	23/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
5	CNTT3296	Đặng Thị Mai	Anh	08/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
6	CNTT3297	Đặng Thị Quỳnh	Anh	04/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
7	CNTT3298	Đỗ Đức	Anh	01/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
8	CNTT3299	Đỗ Hoàng	Anh	05/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
9	CNTT3300	Đường Việt	Anh	27/12/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	7,5	5,0	Đạt	
10	CNTT3301	Hồ Việt	Anh	10/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
11	CNTT3302	Hoàng Tuấn	Anh	14/11/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	7,0	5,5	Đạt	
12	CNTT3303	Lại Việt	Anh	18/02/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,2	5,5	Đạt	
13	CNTT3304	Nguyễn Thị	Anh	28/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
14	CNTT3305	Nguyễn Tuấn	Anh	30/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
15	CNTT3306	Nguyễn Văn	Anh	28/02/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,5	Đạt	
16	CNTT3307	Nguyễn Việt	Anh	21/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,0	Đạt	
17	CNTT3308	Nguyễn Việt	Anh	27/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
18	CNTT3309	Trần Tuấn	Anh	23/07/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,0	Đạt	
19	CNTT3310	Trần Văn	Anh	28/07/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	7,7	6,0	Đạt	
20	CNTT3311	Chu Quốc	Ánh	23/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt	
21	CNTT3312	Đặng Ngọc	Ánh	15/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt	
22	CNTT3313	Nguyễn Ngọc	Ánh	13/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	5,5	Đạt	
23	CNTT3314	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
24	CNTT3315	Trương Ngọc	Bích	05/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
25	CNTT3316	Ngô Văn	Biên	07/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
26	CNTT3317	Lý Hồng	Bình	09/12/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,0	Đạt	
27	CNTT3318	Phùng Thanh	Bình	20/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	5,5	Đạt	
28	CNTT3319	Vi Văn	Bình	06/01/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
29	CNTT3320	Vi Văn	Bình	11/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
30	CNTT3321	Lê Văn	Bộ	24/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
31	CNTT3322	Nguyễn Thị	Cảnh	21/04/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,0	Đạt	
32	CNTT3323	Hứa Thị	Chi	24/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,5	5,0	Đạt	
33	CNTT3324	Nguyễn Thị	Chi	04/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
34	CNTT3325	Chu Thị Việt	Chinh	24/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
35	CNTT3326	Trần Kiều	Chinh	28/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	7,5	5,5	Đạt	
36	CNTT3327	Bùi Ngọc	Chuẩn	14/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
37	CNTT3328	Nguyễn Hữu	Chung	18/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
38	CNTT3329	Nguyễn Văn	Chung	05/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
39	CNTT3330	Lê Văn	Chương	14/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt	
40	CNTT3331	Vi Mạnh	Chương	09/12/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,5	Đạt	
41	CNTT3332	Diệp Đình	Công	15/01/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,0	Đạt	
42	CNTT3333	Nguyễn Thị An	Cúc	31/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,5	5,0	Đạt	
43	CNTT3334	Vy Thị	Cúc	15/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,7	5,0	Đạt	
44	CNTT3335	Nông Viết	Cương	16/11/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt	
45	CNTT3336	Bằng Quốc	Cường	30/07/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	7,7	5,0	Đạt	
46	CNTT3337	Lý Văn	Cường	19/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt	
47	CNTT3338	Phùng Văn	Cường	30/12/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	6,0	5,0	Đạt	
48	CNTT3339	Bàn Văn	Dũng	30/11/2004	Bắc Giang	Nam	Dao	7,2	5,0	Đạt	
49	CNTT3340	Sầm Văn	Dũng	03/02/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
50	CNTT3341	Trịnh Văn	Dũng	13/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
51	CNTT3342	Trương Mạnh	Dũng	06/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
52	CNTT3343	Bùi Hoàng	Duy	25/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt	
53	CNTT3344	Giáp Trần	Duy	09/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,5	Đạt	
54	CNTT3345	Hà Khánh	Duy	08/05/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	
55	CNTT3346	Nông Văn	Duy	19/09/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
56	CNTT3347	Phạm Hùng	Duy	01/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
57	CNTT3348	Đàm Thị	Duyên	15/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
58	CNTT3349	Luân Thị	Duyên	30/04/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt	
59	CNTT3350	Đinh Văn	Dương	16/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	5,0	Đạt	
60	CNTT3351	Hoàng Văn	Đa	18/04/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
61	CNTT3352	Trương Trọng	Đài	07/11/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	Đạt	
62	CNTT3353	Hoàng Văn	Đạt	14/04/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	-	-	-	Vắng thi
63	CNTT3354	Nguyễn Văn	Đạt	24/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
64	CNTT3355	Nguyễn Văn	Đạt	10/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
65	CNTT3356	Nguyễn Văn Thành	Đạt	25/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
66	CNTT3357	Phan Tiến	Đạt	09/04/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	5,5	Đạt	
67	CNTT3358	Dương Quang	Đăng	28/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt	
68	CNTT3359	Hứa Văn	Đăng	23/04/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
69	CNTT3360	Nguyễn Văn	Điền	25/02/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,5	Đạt	
70	CNTT3361	Thân Hoàng	Diệp	18/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	Đạt	
71	CNTT3362	Trần Văn	Điều	30/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
72	CNTT3363	Vì Văn	Định	11/08/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,7	5,0	Đạt	
73	CNTT3364	Diệp Văn	Đoàn	03/05/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,0	Đạt	
74	CNTT3365	Hứa Văn	Đoàn	27/02/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
75	CNTT3366	Phùng Văn	Đoàn	27/05/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt	
76	CNTT3367	Lý Văn	Đông	01/07/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
77	CNTT3368	Phùng Văn	Đông	01/01/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
78	CNTT3369	Nguyễn Bảo	Đồng	12/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
79	CNTT3370	Nguyễn Văn	Đức	13/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
80	CNTT3371	Trương Văn	Đức	04/01/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
81	CNTT3372	Vi Thị	Gần	11/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	5,0	Đạt	
82	CNTT3373	Phạm Đức	Giang	29/06/2004	Tuyên Quang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
83	CNTT3374	Hoàng Quang	Giáp	10/06/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	7,0	5,5	Đạt	
84	CNTT3375	Trương Việt	Giáp	20/12/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	Đạt	
85	CNTT3376	Hoàng Thị	Hà	19/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
86	CNTT3377	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	07/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
87	CNTT3378	Hà Thị	Hải	02/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
88	CNTT3379	Phạm Tiến	Hải	24/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,5	Đạt	
89	CNTT3380	Hoàng Thị	Hạnh	08/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,7	5,5	Đạt	
90	CNTT3381	Lâm Thị	Hạnh	01/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Chí	6,5	5,5	Đạt	
91	CNTT3382	Mưu Nhật	Hào	09/10/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	7,7	5,5	Đạt	
92	CNTT3383	Nguyễn Văn	Hào	20/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt	
93	CNTT3384	Lâm Thị	Hảo	22/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,0	5,0	Đạt	
94	CNTT3385	Hoàng Thị	Hằng	05/04/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,2	5,5	Đạt	
95	CNTT3386	Hoàng Thị Thu	Hằng	03/09/2004	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,2	5,5	Đạt	
96	CNTT3387	Mai Thị Hồng	Hân	04/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
97	CNTT3388	Diệp Thị	Hậu	17/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,5	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
98	CNTT3389	Đặng Thu	Hiền	04/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
99	CNTT3390	Lý Thị	Hiền	06/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,2	5,0	Đạt	
100	CNTT3391	Nguyễn Văn	Hiệp	04/07/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
101	CNTT3392	Nguyễn Văn	Hiệp	24/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
102	CNTT3393	Ân Văn	Hiếu	21/12/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
103	CNTT3394	Bùi Văn	Hiếu	10/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
104	CNTT3395	Chu Văn	Hiếu	14/06/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt	
105	CNTT3396	Hoàng Trung	Hiếu	09/10/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,0	Đạt	
106	CNTT3397	Ngô Minh	Hiếu	09/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
107	CNTT3398	Vũ Văn	Hiếu	15/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,5	Đạt	
108	CNTT3399	Phạm Thị	Hoa	20/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
109	CNTT3400	Trương Ngọc	Hoa	17/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	7,0	5,5	Đạt	
110	CNTT3401	Hoàng Văn	Hòa	10/08/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt	
111	CNTT3402	Nguyễn Thị	Hòa	30/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,0	Đạt	
112	CNTT3403	Nguyễn Xuân	Hòa	26/11/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt	
113	CNTT3404	Phương Văn	Hòa	27/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt	
114	CNTT3405	Thịnh Thị	Hòa	06/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	5,5	Đạt	
115	CNTT3406	Phạm Văn	Hoan	22/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	Đạt	
116	CNTT3407	Doãn Văn	Hoàng	26/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
117	CNTT3408	Giáp Văn	Hoàng	12/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
118	CNTT3409	Leo Văn	Hoàng	11/07/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,5	Đạt	
119	CNTT3410	Nguyễn Văn	Hoàng	20/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
120	CNTT3411	Từ Thị	Huệ	26/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	7,2	5,0	Đạt	
121	CNTT3412	Nguyễn Văn	Hùng	18/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
122	CNTT3413	Giáp Văn	Huy	18/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
123	CNTT3414	Lê Thị Thanh	Huyền	08/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
124	CNTT3415	Leo Thị Thanh	Huyền	08/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt	
125	CNTT3416	Nguyễn Quốc	Hung	15/07/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7,5	6,0	Đạt	
126	CNTT3417	Đào Thị Thu	Hương	11/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt	
127	CNTT3418	Diệp Thị	Hương	15/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
128	CNTT3419	Nguyễn Thị Mai	Hương	18/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Phén	6,5	5,0	Đạt	
129	CNTT3420	Lê Đức	Hường	11/12/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
130	CNTT3421	Nguyễn Thị	Hường	14/10/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
131	CNTT3422	Nguyễn Thu	Hường	05/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
132	CNTT3423	Nông Thị	Hường	07/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
133	CNTT3424	Vi Văn	Hường	29/09/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
134	CNTT3425	Dương Văn	Hữu	19/12/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	5,0	Đạt	
135	CNTT3426	Lục Văn	Khải	13/02/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
136	CNTT3427	Vi Văn	Khải	21/01/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,5	6,0	Đạt	
137	CNTT3428	Lê Duy	Khánh	29/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
138	CNTT3429	Phan Văn	Khoa	24/06/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	7,0	5,5	Đạt	
139	CNTT3430	Diệp Văn	Khôi	12/02/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	6,0	Đạt	
140	CNTT3431	Hoàng Ngọc	Khuê	20/08/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
141	CNTT3432	Bằng Văn	Kiên	08/01/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
142	CNTT3433	Bùi Trung	Kiên	04/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
143	CNTT3434	Lý Trung	Kiên	20/03/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	-	-	-	Vắng thi
144	CNTT3435	Nguyễn Văn	Kiên	27/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
145	CNTT3436	Lý Thị	Kiều	04/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,5	5,5	Đạt	
146	CNTT3437	Nguyễn Thị	Kiều	01/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	5,0	Đạt	
147	CNTT3438	Trương Thị	Lan	30/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,7	5,5	Đạt	
148	CNTT3439	Nguyễn Thanh	Lâm	22/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
149	CNTT3440	Trần Văn	Lâm	09/11/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7,2	6,0	Đạt	
150	CNTT3441	Diệp Văn	Lễ	10/10/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
151	CNTT3442	Lê Thị Thùy	Liên	25/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
152	CNTT3443	Hoàng Thị	Liên	28/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
153	CNTT3444	Thân Thị Hồng	Liên	04/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,0	Đạt	
154	CNTT3445	Vì Thị	Liều	04/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	5,0	Đạt	
155	CNTT3446	Chu Thị Kiều	Linh	05/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
156	CNTT3447	Giáp Thị Thu	Linh	03/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt	
157	CNTT3448	Hoàng Thị Diệu	Linh	17/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
158	CNTT3449	Hoàng Thị Mai	Linh	28/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
159	CNTT3450	Hoàng Thị Ngọc	Linh	01/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	5,5	5,0	Đạt	
160	CNTT3451	Lưu Ngọc	Linh	26/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt	
161	CNTT3452	Ngô Thị Khánh	Linh	22/04/2004	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,2	6,0	Đạt	
162	CNTT3453	Nguyễn Thị	Linh	03/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	5,5	Đạt	
163	CNTT3454	Nguyễn Thùy	Linh	06/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
164	CNTT3455	Phan Hồng	Linh	01/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
165	CNTT3456	Trương Diệu	Linh	01/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,0	Đạt	
166	CNTT3457	Vũ Chí	Linh	01/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
167	CNTT3458	Hoàng Thị	Linh	09/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt	
168	CNTT3459	Lý Văn	Long	27/01/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,5	5,0	Đạt	
169	CNTT3460	Trần Thị	Long	11/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,5	5,5	Đạt	
170	CNTT3461	Nông Thị	Lụa	25/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,7	5,0	Đạt	
171	CNTT3462	Diệp Quang	Luận	30/03/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,5	Đạt	
172	CNTT3463	Vì Văn	Luận	16/01/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	7,7	5,0	Đạt	
173	CNTT3464	Đinh Văn	Luật	29/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt	
174	CNTT3465	Lại Thị Khánh	Ly	07/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,0	5,5	Đạt	
175	CNTT3466	Lưu Thị	Ly	23/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	5,5	Đạt	
176	CNTT3467	Trương Thị	Mai	06/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
177	CNTT3468	Ân Văn	Mạnh	22/10/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
178	CNTT3469	Hứa Văn	Mạnh	20/06/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
179	CNTT3470	Trương Văn	Mạnh	05/02/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt	
180	CNTT3471	Dương Thị Diệu	Mây	15/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	7,5	5,5	Đạt	
181	CNTT3472	Hoàng Văn	Minh	11/12/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,0	Đạt	
182	CNTT3473	Nguyễn Đức	Minh	29/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
183	CNTT3474	Vi Văn	Minh	06/08/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt	
184	CNTT3475	Nguyễn Thị	Mơ	03/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
185	CNTT3476	Vi Thị	Mơ	09/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
186	CNTT3477	Đinh Thị Trà	My	21/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
187	CNTT3478	Đỗ Trịnh Trà	My	17/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
188	CNTT3479	Trần Ngọc	Mỹ	22/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
189	CNTT3480	Nguyễn Văn	Nam	18/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,0	Đạt	
190	CNTT3481	Từ Hoàng Hải	Nam	10/09/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
191	CNTT3482	Lương Thị	Nga	10/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
192	CNTT3483	Ngô Thị Quỳnh	Nga	01/05/2004	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,2	5,0	Đạt	
193	CNTT3484	Nguyễn Thị Thúy	Nga	17/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
194	CNTT3485	Nguyễn Thị	Ngà	12/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
195	CNTT3486	Chu Thị Kim	Ngân	29/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	7,5	5,5	Đạt	
196	CNTT3487	Lê Thị	Ngân	08/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,2	5,5	Đạt	
197	CNTT3488	Trương Thị Kim	Ngân	28/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	7,0	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
198	CNTT3489	Chu Đức	Nghiệp	12/10/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt	
199	CNTT3490	Đỗ Xuân	Ngọc	08/02/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,0	Đạt	
200	CNTT3491	Hoàng Thị Bích	Ngọc	20/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
201	CNTT3492	Leo Văn	Ngọc	19/03/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,5	5,5	Đạt	
202	CNTT3493	Nguyễn Phúc Danh	Nguyên	03/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,0	Đạt	
203	CNTT3494	Phùng Cao	Nguyên	19/12/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt	
204	CNTT3495	Hoàng Văn	Nhất	19/02/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,5	5,5	Đạt	
205	CNTT3496	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	25/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	5,5	Đạt	
206	CNTT3497	Bùi Thị	Nhung	26/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,0	Đạt	
207	CNTT3498	Hà Văn	Ninh	02/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
208	CNTT3499	Hoàng Hải	Ninh	19/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	5,5	Đạt	
209	CNTT3500	Lê Hải	Ninh	09/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
210	CNTT3501	Thảm Thị Nguyệt	Oanh	22/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,2	5,0	Đạt	
211	CNTT3502	Lâm Văn	Phong	23/09/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
212	CNTT3503	Trương Văn	Phong	14/07/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt	
213	CNTT3504	Nguyễn Đình	Phú	10/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	5,5	Đạt	
214	CNTT3505	Lưu Văn	Phúc	22/06/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	Đạt	
215	CNTT3506	Hoàng Đức	Phương	12/08/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	7,0	5,5	Đạt	
216	CNTT3507	Nguyễn Thị	Phương	24/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
217	CNTT3508	Nguyễn Văn	Phương	01/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
218	CNTT3509	Vũ Thị	Phương	20/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	Đạt	
219	CNTT3510	Chu Văn	Quang	07/04/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,0	Đạt	
220	CNTT3511	Nguyễn Đức	Quang	17/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
221	CNTT3512	Trần Văn	Quang	11/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,0	Đạt	
222	CNTT3513	Vi Văn	Quang	16/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	1,0	Không đạt	
223	CNTT3514	Lê Văn	Quảng	15/11/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt	
224	CNTT3515	Nguyễn Công	Quảng	11/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
225	CNTT3516	Giáp Anh	Quân	18/12/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt	
226	CNTT3517	Hoàng Văn	Quân	27/11/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt	
227	CNTT3518	Hoàng Văn	Quân	04/09/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt	
228	CNTT3519	Leo Anh	Quân	21/01/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7,5	5,0	Đạt	
229	CNTT3520	Nguyễn Văn	Quý	11/10/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,7	5,5	Đạt	
230	CNTT3521	Phan Văn	Quý	07/04/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	5,0	Đạt	
231	CNTT3522	Trần Văn	Quý	05/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	5,5	Đạt	
232	CNTT3523	Lý Minh	Quyển	25/08/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	5,7	5,5	Đạt	
233	CNTT3524	Hoàng Văn	Quyền	29/08/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
234	CNTT3525	Lý Văn	Quyết	28/10/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7,2	5,0	Đạt	
235	CNTT3526	Trần Văn	Quyết	13/10/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Chí	6,2	5,5	Đạt	
236	CNTT3527	Trương Văn	Quyết	01/05/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	Đạt	
237	CNTT3528	Đặng Thị Như	Quỳnh	23/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
238	CNTT3529	Diệp Thị	Quỳnh	29/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt	
239	CNTT3530	Lê Thị Diễm	Quỳnh	06/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,5	5,0	Đạt	
240	CNTT3531	Lục Thị	Quỳnh	04/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,0	Đạt	
241	CNTT3532	Ngô Thị Thu	Quỳnh	05/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
242	CNTT3533	Nguyễn Thị	Quỳnh	09/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
243	CNTT3534	Lê Quang	Sáng	24/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
244	CNTT3535	Lương Văn	Sâm	23/02/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt	
245	CNTT3536	Trương Văn	Sâm	27/08/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	Đạt	
246	CNTT3537	Nguyễn Thị	Sinh	24/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,0	Đạt	
247	CNTT3538	Ân Văn	Sơn	05/11/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
248	CNTT3539	Diệp Văn	Sơn	10/08/2002	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt	
249	CNTT3540	Lý Văn	Sơn	19/11/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,2	5,0	Đạt	
250	CNTT3541	Ngô Bảo	Sơn	16/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,5	Đạt	
251	CNTT3542	Trần Văn	Sơn	23/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
252	CNTT3543	Từ Văn	Sơn	01/02/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7,0	5,0	Đạt	
253	CNTT3544	Lý Thị Thanh	Tâm	06/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,2	5,5	Đạt	
254	CNTT3545	Trần Thị	Tâm	08/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
255	CNTT3546	Nguyễn Thanh	Tân	29/07/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt	
256	CNTT3547	Vi Thị	Thái	15/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
257	CNTT3548	Nguyễn Văn	Thành	13/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
258	CNTT3549	Vi Văn	Thành	10/03/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt	
259	CNTT3550	Nguyễn Văn	Thao	25/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
260	CNTT3551	Lê Thị	Thảo	09/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	5,5	Đạt	
261	CNTT3552	Trần Thạch	Thảo	09/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,5	Đạt	
262	CNTT3553	Trịnh Thị	Thảo	25/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,5	Đạt	
263	CNTT3554	Trương Thị	Thảo	12/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	7,2	5,0	Đạt	
264	CNTT3555	Vi Thị	Thảo	24/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
265	CNTT3556	Trịnh Văn	Thắng	02/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
266	CNTT3557	Lý Thị	Thêm	20/04/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
267	CNTT3558	Nguyễn Đức	Thọ	16/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
268	CNTT3559	Thang Thị	Thoa	23/04/2004	Bắc Giang	Nữ	Hoa	7,2	5,5	Đạt	
269	CNTT3560	Đường Văn	Thông	10/05/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,2	5,0	Đạt	
270	CNTT3561	Trần Thị Hoài	Thơm	20/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
271	CNTT3562	Hồ Công	Thuấn	21/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
272	CNTT3563	Vi Thị	Thuận	23/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
273	CNTT3564	Phùng Thị	Thúy	19/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	5,5	5,0	Đạt	
274	CNTT3565	Nguyễn Thị	Thùy	07/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
275	CNTT3566	Lý Thị	Thùy	01/06/2004	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,2	5,5	Đạt	
276	CNTT3567	Trần Minh	Thủy	17/04/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7,5	5,0	Đạt	
277	CNTT3568	Diệp Văn	Thức	19/11/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
278	CNTT3569	Hoàng Thị Thương	09/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,0	5,5	Đạt	
279	CNTT3570	Lý Thị Thương	05/10/2003	Bắc Giang	Nữ	San Chí	6,2	5,0	Đạt	
280	CNTT3571	Trần Duy Thường	28/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
281	CNTT3572	Ân Văn Tiến	17/10/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7,0	5,5	Đạt	
282	CNTT3573	Nguyễn Văn Tiến	24/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
283	CNTT3574	Lê Đức Tiền	11/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,5	Đạt	
284	CNTT3575	Nguyễn Văn Tiệp	27/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	Đạt	
285	CNTT3576	Lê Văn Tinh	28/02/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
286	CNTT3577	Hoàng Văn Toàn	19/01/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	5,7	5,5	Đạt	
287	CNTT3578	Nông Văn Toàn	04/06/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt	
288	CNTT3579	Vũ Văn Toàn	04/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
289	CNTT3580	Lâm Văn Tòng	27/11/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,2	5,0	Đạt	
290	CNTT3581	Chu Thị Trang	27/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
291	CNTT3582	Chu Thị Trang	03/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
292	CNTT3583	Lý Thị Huyền	02/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,5	5,0	Đạt	
293	CNTT3584	Nghiêm Thu Trang	01/07/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,0	Đạt	
294	CNTT3585	Nguyễn Thị Trang	29/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	7,5	5,5	Đạt	
295	CNTT3586	Nguyễn Thị Thu Trang	07/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt	
296	CNTT3587	Nguyễn Quang Trình	13/02/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
297	CNTT3588	Lường Văn Trơ	30/12/2004	Yên Bái	Nam	Thái	6,2	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
298	CNTT3589	Đặng Thị	Trúc	01/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,7	5,0	Đạt	
299	CNTT3590	Lâm Mai	Trúc	15/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
300	CNTT3591	Nông Văn	Trung	29/10/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,2	5,0	Đạt	
301	CNTT3592	Đàm Văn	Trường	18/02/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
302	CNTT3593	Thân Quang	Trường	14/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
303	CNTT3594	Dương Anh	Tú	21/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
304	CNTT3595	Hoàng Anh	Tuấn	18/06/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt	
305	CNTT3596	Luân Văn	Tuấn	15/12/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
306	CNTT3597	Nguyễn Văn	Tuấn	21/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
307	CNTT3598	Nguyễn Sơn	Tùng	25/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,0	Đạt	
308	CNTT3599	Trần Thanh	Tùng	26/09/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,0	Đạt	
309	CNTT3600	Trần Văn	Tùng	03/12/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,5	5,0	Đạt	
310	CNTT3601	Trịnh Ngọc	Tùng	07/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
311	CNTT3602	Từ Văn	Tùng	12/09/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,0	Đạt	
312	CNTT3603	Nguyễn Văn	Tuyền	05/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,0	Đạt	
313	CNTT3604	Nguyễn Văn	Tuyền	15/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
314	CNTT3605	Nguyễn Văn	Tuyền	24/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt	
315	CNTT3606	Diệp Văn	Tuyền	14/11/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,7	5,0	Đạt	
316	CNTT3607	Đinh Quang	Tuyền	11/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
317	CNTT3608	Nguyễn Thị	Tươi	08/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,7	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
318	CNTT3609	Trương Thị Tươi	19/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	7,0	5,5	Đạt	
319	CNTT3610	Vi Thị Tươi	29/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,2	5,0	Đạt	
320	CNTT3611	Diệp Nguyễn Thành Văn	10/01/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7,2	5,0	Đạt	
321	CNTT3612	Nguyễn Thế Phúc Văn	10/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt	
322	CNTT3613	Hoàng Thị Vân	13/04/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,7	5,5	Đạt	
323	CNTT3614	Lưu Thị Vân	05/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,0	5,0	Đạt	
324	CNTT3615	Trần Thị Vân	24/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
325	CNTT3616	Đỗ Văn Vĩ	29/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,0	Đạt	
326	CNTT3617	Đoàn Văn Việt	12/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
327	CNTT3618	Trần Anh Việt	21/01/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	5,5	Đạt	
328	CNTT3619	Hoàng Văn Vĩnh	22/04/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,7	5,5	Đạt	
329	CNTT3620	Lý Văn Vĩnh	14/03/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	8,0	5,0	Đạt	
330	CNTT3621	Lê Quang Vĩnh	17/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	5,0	Đạt	
331	CNTT3622	Dương Văn Vũ	04/11/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
332	CNTT3623	Phạm Công Vũ	23/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
333	CNTT3624	Nông Thị Vui	11/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,0	5,0	Đạt	
334	CNTT3625	Lường Minh Vương	27/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,5	Đạt	
335	CNTT3626	Nguyễn Thị Vượng	16/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,0	Đạt	
336	CNTT3627	Phạm Ngọc Vỹ	18/12/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,2	5,0	Đạt	
337	CNTT3628	Hứa Thị Xâm	08/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
338	CNTT3629	Trần Thị	Xoan	19/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,5	5,0	Đạt	
339	CNTT3630	Lê Văn	Xuân	16/05/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,0	5,0	Đạt	
340	CNTT3631	Phùng Thị	Yên	01/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
341	CNTT3632	Ban Thị	Yến	28/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	6,7	5,0	Đạt	
342	CNTT3633	Lý Hồng	Yến	17/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6,2	5,0	Đạt	
343	CNTT3634	Vũ Thị Lan	Anh	10/08/1975	Hải Phòng	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt	
344	CNTT3635	Chu Văn	Báo	09/02/1987	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7,7	7,5	Đạt	
345	CNTT3636	Đào Đình	Bảy	10/09/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	7,5	Đạt	
346	CNTT3637	Giáp Thị Thuý	Chi	04/10/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	Đạt	
347	CNTT3638	Đào Hữu	Chung	26/07/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	8,0	Đạt	
348	CNTT3639	Vương Mạnh	Chung	10/09/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,5	Đạt	
349	CNTT3640	Phạm Thị	Đoàn	10/02/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,0	Đạt	
350	CNTT3641	Lãnh Thị	Hà	11/09/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	8,5	Đạt	
351	CNTT3642	Trần Thị	Hạnh	04/03/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	7,5	Đạt	
352	CNTT3643	Hoàng Thị	Hồng	10/05/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	7,5	Đạt	
353	CNTT3644	Đoàn Thị Thanh	Hương	21/01/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,5	Đạt	
354	CNTT3645	Nguyễn Văn	Miu	19/01/1992	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	7,5	Đạt	
355	CNTT3646	Nguyễn Thị	Nguyên	12/11/1984	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,7	7,5	Đạt	
356	CNTT3647	Đinh Văn	Phương	09/05/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	8,5	Đạt	
357	CNTT3648	Nguyễn Thị	Thư	20/04/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
358	CNTT3649	Vi Thị	Tĩnh	22/12/1978	Bắc Giang	Nữ	Tày	8,0	8,0	Đạt	
359	CNTT3650	Giáp Thị Minh	Trâm	03/09/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt	
360	CNTT3651	Hoàng Thị	Ba	04/08/1994	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	8,0	7,5	Đạt	
361	CNTT3652	Nguyễn Thị	Dung	12/03/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
362	CNTT3653	Nguyễn Thị	Hảo	28/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	7,0	Đạt	
363	CNTT3654	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	15/12/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,5	Đạt	
364	CNTT3655	Hoàng Thị	Huyền	02/11/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,5	Đạt	
365	CNTT3656	Nguyễn Thị	Huởng	21/11/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
366	CNTT3657	Dương Thị	Liên	28/06/1992	Bắc Giang	Nữ	Nùng	8,2	7,0	Đạt	
367	CNTT3658	Ngô Thị Kim	Liên	01/01/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,5	Đạt	
368	CNTT3659	Hoàng Thu	Linh	18/09/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	7,5	Đạt	
369	CNTT3660	Bùi Thị	Loan	12/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt	
370	CNTT3661	Ngô Thị	My	17/07/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
371	CNTT3662	Ngô Thị	Nga	27/10/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt	
372	CNTT3663	La Thị	Phượng	07/11/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,5	Đạt	
373	CNTT3664	Hà Lệ	Quyên	14/10/1987	Bắc Giang	Nữ	Nùng	8,2	7,0	Đạt	
374	CNTT3665	Ngô Đăng	Tài	06/10/1969	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
375	CNTT3666	Lê Thị Quỳnh	Trang	20/07/1999	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8,0	7,5	Đạt	
376	CNTT3667	Phạm Quốc	Trang	09/10/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	7,0	Đạt	
377	CNTT3668	Ngô Thanh	Xuân	14/12/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	7,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
378	CNTT3669	Ninh Thị Xuân	14/12/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt	

Số thí sinh theo danh sách: 378

Số thí sinh vắng thi: 2

Số thí sinh dự thi: 376

Số thí sinh đạt yêu cầu: 375

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 1

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 20 tháng 12 năm 2021

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Nguyễn Thị Hoa